TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2025/HS -ST
Ngày 30 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Bà Nguyễn Thị Chiều

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2025/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 6 năm 2025 đối với :

* *Bị cáo*: **Trần Văn T**, sinh năm 1994, nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Cụm 2, xã T, huyện Đ, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị L; có vợ, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; danh bản, chỉ bản số 706 do Công an thành phố Hà Nội lập ngày 23/4/2025. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Ông Lê Văn B, sinh năm 1934 (đã chết ngày 09/3/2025)

- Người đại diện theo pháp luật cho ông Lê Văn B:

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; vắng mặt

+ Anh Lê Văn H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; có mặt.

+ Chị Chị Lê Thị T1, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn I, xã P, huyện Đ thành phố H; vắng mặt.

+ Anh Lê Văn T2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; vắng mặt

+ Ông Lê Văn T3, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; vắng mặt

+ Bà Lê Thị T4, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà N, chị T1, anh T2, ông T3, bà T4: Anh Lê Văn H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Đ, thành phố H; có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Cụm 2, xã T, huyện Đ, thành phố H; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 50 phút ngày 09/3/2025, Trần Văn T có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh dương, biển kiểm soát 29X3 – 475.15 chở chị Nguyễn Thị Kim L1 (là vợ T) đi trên đường tỉnh lộ 417 theo hướng từ xã T đi thị trấn P với tốc độ khoảng 50km/giờ, tại thời điểm này trời tối, đường tỉnh lộ 417 không bật đèn đường, tầm nhìn bị hạn chế, khi T đi đến đoạn ngã 3 giao nhau với đường T, thuộc Thôn I, xã P, huyện Đ thành phố H, do thiếu chú ý quan sát nên xe của T đã đâm vào người ông Lê Văn B đang đi bộ từ lề đường bên trái sang lề đường bên phải theo chiều đi của T làm ông B ngã ra đường, xe mô tô của T bị đổ, T và chị L1 ngã xuống đường. Chị L1 đứng dậy đi đến chỗ ông B thì thấy ông B đã bất tỉnh, máu chảy ở đầu. Trần Văn T và người dân đưa ông B đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng sau đó chuyển đến cấp cứu tại Bệnh viện Việt Đức, đến khoảng 13 giờ 20 phút cùng ngày thì ông B tử vong.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 07 giờ 00 ngày 09/3/2025 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội thể hiện: Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông tại Km 1+800 đường tỉnh lộ 417 thuộc địa phận thôn I, xã P, Đ, H. Đây là ngã ba giao cắt giữa đường TL417 với đường T (lối vào thôn L, xã P, huyện Đ, H). Đường tỉnh lộ 417 được giải nhựa thẳng, phẳng, mặt đường rộng 10,3m, đây là đoạn đường 02 chiều, mỗi chiều đường được phân cách bằng vạch sơn nét đứt, màu vàng, chiều hướng đi thị trấn P rộng 5,1m, chiều hướng đi TX rộng 5,2m. Đường T được dải nhựa thẳng, phẳng rộng 7,8m là đường 2 chiều. Tại 2 hướng của hiện trường trên TL417 có cắm biển báo giao nhau với đường không ưu tiên. Đường TL417 không có vật cản, che khuất tầm nhìn và có bố trí đèn đường tại lề đường bên phải hướng đi TX.

- Xác định mép đường chuẩn, vật mốc:

+ Mép đường chuẩn được xác định là mép đường bên phải của đường TL417, hướng đi thị trấn P.

+ Điểm mốc được xác định là cột đèn cao áp, ký hiệu CS1-2/53.

- Đánh số thứ tự dấu vết:

+ Vết (1) là vết cà trượt mặt đường đứt quãng song song.

+ Vết (2) là vết cà trượt mặt đường đứt quãng

+ Vết (3) là vết trượt sạch bụi.

+ Vết (4) là tổ hợp mảnh nhựa vỡ.

+ Vết (5) là vết máu.

+ (6) là xe mô tô biển kiểm soát 29X3 – 475.15.

* Mô tả hiện trường:

- Khám nghiệm hiện trường theo chiều hướng TX đi thị trấn P.

+ Vết (1) có diện (07x0,07)m, chiều hướng TX đi thị trấn P, đo vuông góc từ đầu và cuối vết (1) về hướng thị trấn P 1,6m là đầu vết (2).

+ Vết (2) có diện (5,1x0,07)m, chiều hướng TX đi thị trấn P đo vuông góc từ đầu và cuối vết (2) mép đường chuẩn lần lượt là 4,4m và 5,55m. Đo từ đầu vết (2) về hướng mép đường chuẩn (Chếch về phía thị trấn P 2,9m) là đầu vết (3).

+ Vết (3) có diện (2,9x0,05)m, chiều hướng TX đi thị trấn P. Đo vuông góc từ đầu và cuối vết (3) vào mép đường chuẩn lần lượt là 1,9m và 0,8m. Đo từ đầu vết (1) về hướng mép đường chuẩn (Chếch về hướng thị trấn P) 3,3m là tâm vết (4).

+ Vết (4) có diện (2,5x0,8)m. Đo vuông góc từ tâm vết (4) vào mép đường chuẩn là 1,7m. Đo từ đầu vết (1) về hướng mép đường chuẩn (Chếch về hướng thị trấn P) 6,1m là tâm vết (5).

+ Vết (5) có diện (1,6x0,7)m. Đo vuông góc từ tâm vết (5) vào mép đường chuẩn là 0,4m. Đo từ đầu vết (1) về hướng đối diện mép đường chuẩn (Chếch về hướng thị trấn P) 8,3m là trục bánh xe phía sau xe mô tô 29X3 – 475.15.

+ Xe mô tô biển kiểm soát 29X3- 475.15 được dựng bằng chân chống phụ, đầu hướng thị trấn P, đuôi hướng ngược lại. Đo vuông góc từ trục bánh xe phía trước và phía sau xe vào mép đường chuẩn lần lượt là 10,4m và 9,3m.

+ Đo khoảng cách từ đầu vết (1) đến điểm mốc là 9,1m.

+ Đo từ đầu vết (1) dọc theo đường TL417 về hướng thị trấn P đến hình chiếu vuông góc của điểm mốc trên mặt đường là 6,1m.

* Dấu vết trên phương tiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 29X3 – 475.15 như sau:

- Cụm đèn pha và xi nhan phía trước bị vỡ rời khỏi vị trí gắn trên xe, phần ốp nhựa gắn cụm đèn bị vỡ theo chiều hướng từ trước về sau.

- Mặt nạ phía trước bảo vệ phần cổ xe bị nứt vỡ nhựa diện (21 x 08)cm, điểm thấp nhất cách đất 72cm, đầu tay lái bên phải có vết mài mòn kim loại diện (3 x 1,5)cm, điểm thấp nhất cách đất 104cm, chiều hướng từ trước về sau.

- Đầu tay phanh bên phải có vết mài mòn kim loại, diện (1 x 1,5)cm, điểm thấp nhất cách đất là 100cm.

- Chân gắn gương bên phải có vết mài mòn kim loại diện (1x0,5)cm, chiều hướng từ trước về sau, điểm thấp nhất cách đất là 106cm.

- Cánh yếm bên phải bị vỡ, đầu bàn để chân phanh có vết mài mòn kim loại diện (2 x 0.3)cm, điểm thấp nhất cách đất là 29.8cm, chiều hướng từ trước về sau.

- Đầu bàn để chân phía trước bên phải có 01 vết rách sờ cao su, lộ lõi kim loại, diện (2,5x3)cm, điểm thấp nhất cách đất 32cm, chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước về sau, phần kim loại của bàn để chân có dấu hiệu bị ép sát vào vỏ máy.

- Đầu bàn để chân phía sau bên phải có 01 vết mài trượt kim loại diện (2,5 x 0.9)cm, điểm thấp nhất cách đất 40,5cm, chiều hướng từ trước về sau.

- Phần đuôi ốp kim loại bảo vệ ống xả có 01 vết mài mòn kim loại, diện (3 x 2,5)cm, điểm thấp nhất cách đất 42cm, chiều hướng từ trước về sau.

- Yếm bên trái bị vỡ nứt, diện 10,5cm, điểm thấp nhất cách đất 74cm.

Kỹ thuật an toàn phương tiện: Xe có gương bên trái, hệ thống đèn chiếu sáng, đèn xi nhan, còi, phanh hoạt động bình thường.

Ngày 09/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội đã có Quyết định trưng cầu giám định pháp y tử thi ông Lê Văn B.

Tại Kết luận số 318/265/KLGĐTT-TTPY ngày 08/4/2025 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hà Nội kết luận: Nhiều vết sây sát, bầm tím da vùng đầu mặt, ngực, mông phải, hai tay và hai chân. Không tìm thấy Ethanol. Âm tính với các chất ma túy. Kết luận nguyên nhân chết: Do không mổ tử thi (gia đình từ chối) nên không kết luận được nguyên nhân chết.

Bản cáo trạng số 60/CT-VKS-ĐP ngày 17/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng nêu trên. Sau khi ông B tử vong thì bị cáo đã đến thăm hỏi, động viên và bồi thường cho gia đình của ông B số tiền 100.000.000 đồng. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29X3 – 475.15, chiếc xe là phương tiện duy nhất của gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa trình bày bản luận tội, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Trần Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng đến 36 tháng; Người đại diện hợp pháp của bị hại

và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về dân sự nên không xem xét giải quyết. Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 Chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh dương, biển kiểm soát 29X3 – 475.15 mang tên Trần Văn T. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Tại phiên toà, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông, sơ đồ hiện trường, kết luận giám định tử thi, kết luận giám định phương tiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 04 giờ 50 phút ngày 09/3/2025, Trần Văn T có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 29X3-475.15, chở theo vợ là chị Nguyễn Thị Kim L1 đi trên đường tỉnh lộ 417 theo hướng TX đi thị trấn P đi với tốc độ khoảng 50km/giờ. Thời điểm này trời tối, đường tỉnh lộ 417 không bật đèn đường, tầm nhìn bị hạn chế, khi T đi đến đoạn ngã 3 giao nhau với đường T, thuộc Thôn I, xã P, huyện Đ thành phố H do thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ nên T đã đâm vào ông Lê Văn B đang đi bộ từ lề đường bên trái sang lề đường bên phải theo chiều đi của T làm ông B ngã ra đường và tử vong. Hành vi của Trần Văn T đã vi phạm điểm d khoản 3 Điều 12 Luật trật tự an toàn giao thông đường bô, đã phạm vào tội "Vi phạm qui định về tham gia giao thông đường bộ", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ truy tố bị cáo theo tội danh và viện dẫn điều luật nêu trong cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng và sự hoạt động bình thường của phương tiện giao thông đường bộ, gây mất trật tự xã hội, bởi vậy phải xử bị cáo mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải về hành vi của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường về dân sự để khắc phục một phần thiệt hại đã gây ra cho bị hại; sau khi xảy ra tại nạn, bị cáo đã đưa bị hại đi cấp cứu tại các bệnh viện; người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; trong vụ án này, bị hại có một phần lỗi, bị hại đột ngột sang đường, đi phần

đường bị cáo đang di chuyển, qua đường khi chưa đảm bảo an toàn, không có tín hiệu bằng tay đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương theo Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc, Trần Văn T đã tự nguyện bồi thường cho gia đình ông Lê Văn B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Gia đình ông B đã nhận tiền, không tranh chấp gì về số tiền bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu xanh dương, biển kiểm soát 29X3 – 475.15 mang tên Trần Văn T là phương tiện duy nhất của bị cáo T và vợ là chị Nguyễn Thị Kim L1. Bị cáo và chị L1 đều xin nhận lại xe nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho bị cáo T và chị L1 là đúng quy định pháp luật.

[7] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Bị cáo, người đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T: **15** (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Giao bị cáo Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại Trần Văn T: 01 (một) xe mô tô, Honda Wave, màu xanh đen bạc, biển số: 29X3- 475.15 (Phần cánh yếm bên phải xe bị vỡ, cụm đèn xe phía trước không còn ở vị trí ban đầu, các dấu vết ghi nhận có biên bản khám dấu vết phương tiện kèm theo (photo); Theo đăng ký xe chủ xe: Trần Văn T; Số máy JA39E1377421; số khung: 39LXLY042325; số loại: Wave; nhãn hiệu: Honda; màu sơn: Xanh - đen - bạc; Biển số đăng ký: 29X3-475.15)

(Vật chứng hiện lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2025 với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hà Nội).

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Công an thành phố Hà Nội;
- THADS huyện Đan Phượng;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị An